

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

[01] Kỳ tính thuế: Tháng năm/Lần phát sinh: Ngày tháng năm

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: số: ngày.....

[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:.....

[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[11a] Số nhà, đường phố: [11b] Xã/ phường/đặc khu: [11c] Tỉnh/Thành phố:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên hàng hoá	Số lượng kê khai, tính thuế				Mức thuế	Thuế bảo vệ môi trường phải nộp trong kỳ		Thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu bán cho phương tiện vận tải của hãng nước ngoài trên tuyến đường qua cảng Việt Nam hoặc phương tiện vận tải của Việt Nam trên tuyến đường vận tải quốc tế thuộc đối tượng được hoàn thuế theo pháp luật thuế bảo vệ môi trường	Thuế bảo vệ môi trường đề nghị hoàn theo pháp luật thuế bảo vệ môi trường	Thuế bảo vệ môi trường thuộc đối tượng được hoàn thuế theo pháp luật thuế bảo vệ môi trường chưa đề nghị hoàn chuyển kỳ sau
		Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó: Số lượng xăng dầu bán cho phương tiện vận tải của hãng nước ngoài trên tuyến đường qua cảng Việt Nam hoặc phương tiện vận tải của Việt Nam trên tuyến đường vận tải quốc tế thuộc đối tượng được hoàn thuế theo pháp luật thuế bảo vệ môi trường	Tỷ lệ phần trăm (%) tính thuế		Tổng số	Trong đó: Thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu bán cho phương tiện vận tải của hãng nước ngoài trên tuyến đường qua cảng Việt Nam hoặc phương tiện vận tải của Việt Nam trên tuyến đường vận tải quốc tế thuộc đối tượng được hoàn thuế theo pháp luật thuế bảo vệ môi trường			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (4) x (6) x (7)	(9) = (5) x (6) x (7)	(10)	(11)	(12) = (10) + (9) - (11)
	Tổng cộng										

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Họ và tên:.....

Chức danh chuyên môn về thuế số:

.....

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ

và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử/Xác nhận điện tử)

Ghi chú:

1. Chi tiêu [09], [10], [11]: Khai thông tin của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh có hoạt động sản xuất hàng hoá chịu thuế BVMT tại tỉnh khác với nơi đóng trụ sở chính đối với trường hợp người nộp thuế khai thuế BVMT tại nơi sản xuất hàng hóa chịu thuế BVMT theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều xã/phường/ đặc khu do Thuế tỉnh quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện để kê khai vào chi tiêu này. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh do Thuế cơ sở quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện cho xã/phường/ đặc khu do Thuế cơ sở quản lý để kê khai vào chi tiêu này.

2. Cột (6) “Tỷ lệ phần trăm (%) tính thuế”: Đối với mặt hàng là nhiên liệu hỗn hợp chứa xăng, dầu, mỡ nhờn gốc hóa thạch và nhiên liệu sinh học thì “Tỷ lệ phần trăm (%) tính thuế” là tỷ lệ phần trăm (%) xăng, dầu, mỡ nhờn gốc hóa thạch có trong nhiên liệu hỗn hợp do người nộp thuế tự xác định căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật chế biến nhiên liệu hỗn hợp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; Đối với các mặt hàng khác thì “Tỷ lệ phần trăm (%) tính thuế” là 100%.

3. Cột (10) được xác định bằng cột (12) của kỳ khai thuế liền kề trước đó. Trường hợp người nộp thuế có số tiền thuế bảo vệ môi trường đã nộp thuộc đối tượng được hoàn thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 nhưng đến trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, người nộp thuế chưa đề nghị hoàn thuế thì cột (10) là số lũy kế của số tiền thuế bảo vệ môi trường đã nộp của các kỳ trước theo quy định của pháp luật thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa được hoàn thuế.

4. Cột (11): Trường hợp người nộp thuế đề nghị hoàn trả số thuế bảo vệ môi trường theo khoản 2 Điều 11 Luật thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 thì thực hiện kê khai phụ lục thông tin đề nghị hoàn thuế bảo vệ môi trường mẫu số 01-3/TBVMT kèm theo Thông tư này. Giá trị cột (11) nhỏ hơn hoặc bằng giá trị cột (10) + cột (9).